

Số: 2157/SGDDĐT-QLCL

Hưng Yên, ngày 02 tháng 7 năm 2026

V/v thông báo kết quả xét công nhận
tốt nghiệp THPT năm 2026
(trước phúc khảo)

Kính gửi:

- Các trường có cấp học THPT;
- Các trung tâm GDNN-GDTX.

Thực hiện các văn bản của Bộ GDĐT: Thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông; Thông tư số 13/2026/TT-BGDĐT ngày 09/3/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT ngày 24/12/2024; Công văn số 1257/BGDĐT-QLCL ngày 19/3/2026 về việc hướng dẫn một số nội dung tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026;

Căn cứ kết quả xét công nhận tốt nghiệp THPT năm 2026 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp THPT năm 2026 tỉnh Hưng Yên.

Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo kết quả tốt nghiệp THPT năm 2026 tỉnh Hưng Yên (trước phúc khảo) như sau:

- Số thí sinh dự thi: 41787 thí sinh
- Số thí sinh được công nhận tốt nghiệp: 41629
- Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp: 99.62%.

(có Bảng tổng hợp kết quả công nhận tốt nghiệp THPT kèm theo)./

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu: VP, QLCL.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phan Xuân Quyết

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ
XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2026
(Kèm theo Công văn số 2157/SGDDT-QLCL ngày 02 /7/2026 của Sở GDĐT)

TT	Đơn vị	Số thí sinh ĐK xét TN	Số TS được công nhận TN	Tỷ lệ	Chia ra							
					Thí sinh lớp 12 năm học 2025-2026			Thí sinh tự do			TN diện 2	TN diện 3
					SL thí sinh	Được công nhận TN	Tỷ lệ	SL thí sinh	Được công nhận TN	Tỷ lệ		
1	THPT Chuyên Hưng Yên	382	382	100	382	382	100				2	0
2	THPT Ân Thi	474	474	100	473	473	100	1	1	100	3	0
3	THPT Dương Quảng Hàm	460	458	99.57	459	458	99.78	1	0	0	3	0
4	THPT Đức Hợp	346	346	100	346	346	100				0	0
5	THCS và THPT Hoàng Hoa Thám	239	239	100	239	239	100				5	0
6	THPT Hưng Yên	544	543	99.82	544	543	99.82				3	1
7	THPT Kim Động	474	474	100	474	474	100				1	0
8	THPT Khoái Châu	871	871	100	870	870	100	1	1	100	8	2
9	THPT Minh Châu	331	331	100	331	331	100				3	0
10	THPT Mỹ Hào	644	644	100	644	644	100				9	0
11	THPT Nam Phù Cừ	211	211	100	211	211	100				1	0
12	THPT Nghĩa Dân	249	248	99.60	249	248	99.60				3	0
13	THPT Nguyễn Siêu	385	385	100	385	385	100				4	0
14	THPT Nguyễn Thiện Thuật	465	464	99.78	465	464	99.78				2	0
15	THPT Nguyễn Trung Ngạn	328	328	100	328	328	100				4	0
16	THPT Phạm Ngũ Lão	304	304	100	304	304	100				3	1
17	THPT Phù Cừ	442	442	100	442	442	100				3	0
18	THPT Tiên Lữ	482	481	99.79	482	481	99.79				3	0
19	THPT Trần Hưng Đạo	392	391	99.74	391	390	99.74	1	1	100	0	0
20	THPT Trần Quang Khải	356	356	100	355	355	100	1	1	100	0	0
21	THPT Triệu Quang Phục	385	385	100	385	385	100				1	0
22	THPT Trưng Vương	486	486	100	486	486	100				1	0
23	THPT Văn Giang	555	555	100	555	555	100				3	1
24	THPT Văn Lâm	567	566	99.8236	566	566	100	1	0	0	2	0

TT	Đơn vị	Số thí sinh ĐK xét TN	Số TS được công nhận TN	Tỷ lệ	Chia ra							
					Thí sinh lớp 12 năm học 2025-2026			Thí sinh tự do			TN diện 2	TN diện 3
					SL thí sinh	Được công nhận TN	Tỷ lệ	SL thí sinh	Được công nhận TN	Tỷ lệ		
25	THPT Yên Mỹ	605	605	100	605	605	100				3	1
26	THPT Đình Tiên Hoàng	368	368	100	368	368	100				0	0
27	TH, THCS và THPT Edison	116	116	100	116	116	100				3	0
28	TH, THCS và THPT Greenfield	231	231	100	231	231	100				2	0
29	THPT Hồng Bàng	254	254	100	254	254	100				0	0
30	TH, THCS và THPT Hồng Đức	248	248	100	248	248	100				1	0
31	THPT Hùng Vương	471	471	100	471	471	100				4	0
32	THPT Newton Hưng Yên	62	62	100	62	62	100				0	0
33	THPT Ngô Quyền	213	212	99.53	213	212	99.53				1	0
34	THPT Nguyễn Công Hoan	493	492	99.80	492	491	99.80	1	1	100	2	0
35	THPT Nguyễn Tất Thành	332	326	98.19	331	326	98.49	1	0	0	2	0
36	THPT Phùng Hưng	370	370	100	370	370	100				0	0
37	THPT Quang Trung	219	219	100	219	219	100				0	0
38	THPT Tô Hiệu	403	403	100	403	403	100				1	0
39	TT GDNN-GDTX Ân Thi	203	203	100	203	203	100				1	0
40	TT GDNN-GDTX Hưng Yên	299	297	99.33	299	297	99.33				3	0
41	TT GDNN-GDTX Kim Động	272	259	95.22	266	259	97.37	6	0	0	2	0
42	TT GDNN-GDTX Khoái Châu	638	621	97.34	631	616	97.62	7	5	71.43	6	1
43	TT GDNN-GDTX Mỹ Hào	404	403	99.7525	402	402	100	2	1	50	4	0
44	TT GDNN-GDTX Phù Cù	292	278	95.21	290	277	95.52	2	1	50	0	0
45	TT GDNN-GDTX Tiên Lữ	229	229	100	228	228	100	1	1	100	0	0
46	TT GDNN-GDTX Văn Giang	90	86	95.56	90	86	95.56				0	0
47	TT GDNN-GDTX Văn Lâm	544	544	100	544	544	100				2	1
48	TT GDNN-GDTX Yên Mỹ	255	249	97.65	255	249	97.65				1	0
49	THPT Chuyên Thái Bình	474	474	100	474	474	100				2	0
50	THPT Bắc Duyên Hà	587	587	100	586	586	100	1	1	100	3	0
51	THPT Bắc Đông Quan	625	624	99.84	625	624	99.84				5	0
52	THPT Bắc Kiến Xương	526	526	100	526	526	100				4	0

TT	Đơn vị	Số thí sinh ĐK xét TN	Số TS được công nhận TN	Tỷ lệ	Chia ra							
					Thí sinh lớp 12 năm học 2025-2026			Thí sinh tự do			TN diện 2	TN diện 3
					SL thí sinh	Được công nhận TN	Tỷ lệ	SL thí sinh	Được công nhận TN	Tỷ lệ		
53	THPT Bình Thanh	378	378	100	378	378	100				0	0
54	THPT Chu Văn An	494	494	100	494	494	100				3	0
55	THPT Đông Hưng Hà	525	525	100	525	525	100				3	0
56	THPT Đông Tiền Hải	411	411	100	411	411	100				0	0
57	THPT Đông Thụy Anh	632	632	100	632	632	100				3	1
58	THPT Hưng Nhân	575	575	100	575	575	100				5	0
59	THPT Lê Quý Đôn	630	630	100	630	630	100				4	0
60	THPT Lý Bôn	575	574	99.8261	574	574	100	1	0	0	3	0
61	THPT Mê Linh	401	401	100	399	399	100	2	2	100	2	1
62	THPT Nam Duyên Hà	443	443	100	443	443	100				2	0
63	THPT Nam Đông Quan	504	504	100	504	504	100				6	0
64	THPT Nam Tiền Hải	687	686	99.85	687	686	99.85				5	0
65	THPT Nguyễn Du	535	535	100	535	535	100				1	1
66	THPT Nguyễn Đức Cảnh	629	629	100	628	628	100	1	1	100	5	1
67	THPT Nguyễn Trãi	632	631	99.84	632	631	99.84				3	0
68	THPT Phạm Quang Thắm	298	298	100	298	298	100				3	0
69	THPT Phụ Dực	635	635	100	635	635	100				2	0
70	TH, THCS và THPT Quách Đình Bảo	451	451	100	451	451	100				1	0
71	THPT Quỳnh Côi	638	637	99.84	638	637	99.84				4	0
72	THPT Quỳnh Thọ	626	625	99.84	626	625	99.84				4	0
73	THPT Tây Tiền Hải	639	639	100	638	638	100	1	1	100	2	0
74	THPT Tây Thụy Anh	586	586	100	586	586	100				1	1
75	THPT Tiên Hưng	541	541	100	541	541	100				2	0
76	THPT Thái Ninh	416	416	100	416	416	100				4	0
77	THPT Thái Phúc	430	429	99.7674	429	429	100	1	0	0	3	0
78	THPT Vũ Tiên	536	536	100	536	536	100				1	1
79	TH, THCS và THPT Asahi Thái Bình	342	342	100	342	342	100				2	0
80	THPT Diêm Điền	573	570	99.48	573	570	99.48				0	0

TT	Đơn vị	Số thí sinh ĐK xét TN	Số TS được công nhận TN	Tỷ lệ	Chia ra							
					Thí sinh lớp 12 năm học 2025-2026			Thí sinh tự do			TN diện 2	TN diện 3
					SL thí sinh	Được công nhận TN	Tỷ lệ	SL thí sinh	Được công nhận TN	Tỷ lệ		
81	THPT Đông Quan	558	556	99.64	558	556	99.64				3	0
82	THPT Hoàng Văn Thái	513	513	100	513	513	100				0	0
83	THPT Hồng Đức	245	245	100	245	245	100				0	0
84	THPT Lạc Long Quân	487	487	100	487	487	100				0	0
85	THPT Nguyễn Huệ	652	651	99.85	652	651	99.85				0	0
86	THPT Trần Quốc Tuấn	382	381	99.74	381	380	99.74	1	1	100	2	0
87	THPT Trần Thị Dung	494	494	100	494	494	100				4	0
88	TT GDNN-GDTX Đông Hưng	342	339	99.12	342	339	99.12				0	0
89	TT GDNN-GDTX Hưng Hà	418	413	98.80	418	413	98.80				3	0
90	TT GDNN-GDTX Kiến Xương	353	329	93.20	353	329	93.20				4	0
91	TT GDNN-GDTX Quỳnh Phụ	320	318	99.38	320	318	99.38				2	0
92	TT GDNN-GDTX Tiền Hải	408	408	100	407	407	100	1	1	100	6	0
93	TT GDNN-GDTX Thái Bình	1027	993	96.69	1024	992	96.88	3	1	33.33	6	0
94	TT GDNN-GDTX Thái Thụy	384	382	99.48	384	382	99.48				0	0
95	TT GDNN-GDTX Vũ Thư	247	246	99.60	247	246	99.60				3	0
	Cộng	41787	41629	99.62	41749	41608	99.66	38	21	55.26	226	14